

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện năng cao
(22829501)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050001	Phạm Quốc Anh	03/02/2003	CCQ2105A	01	Anh	6,0	6,5	6,3
2	2121050077	Bùi Xuân Chiến	25/09/2003	CCQ2105A	1	Chus	6,0	5,5	5,7
3	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu Chương	29/03/2003	CCQ2105A	1	Chuang	6,5	7,0	5,0
4	2121050058	Phạm Tiến Cường	21/01/2003	CCQ2105B	1	MC	6,3	7,0	6,7
5	2121050002	Nguyễn Thành Đạt	25/06/2003	CCQ2105A	1	Dat	5,8	7,5	6,8
6	2121050031	Nguyễn Văn Thành Đạt	17/07/2003	CCQ2105A	1	Đat	6,5	8,0	7,4
7	2121050041	Nguyễn Đức	20/04/2003	CCQ2105B	1	Duc	6,0	6,0	6,0
8	2121050071	Phan Minh Đức	27/05/2003	CCQ2105B	1	Duc	6,0	8,0	7,2
9	2121050057	Hòa Ngọc Hải	22/02/2002	CCQ2105B	1	Hai	6,0	5,0	5,4
10	2121050004	Lâm Thanh Hiền	21/09/2003	CCQ2105A	1	Hien	8,5	8,0	8,2
11	2121050049	Đào Tấn Hiền	27/09/2003	CCQ2105B	1	Hb	7,3	7,5	7,4
12	2121050078	Nguyễn Trung Hiếu	17/11/2002	CCQ2105B	1	Hieu	6,8	8,0	7,5
13	2121050019	Võ Ngọc Huy	06/02/2003	CCQ2105A	1	Huy	6,5	8,0	7,4
14	2121050038	Nguyễn Hoàng Hy	13/07/2003	CCQ2105B	1	Hy	5,8	6,5	6,2
15	2121050013	Nguyễn Ngọc Kha	21/11/2003	CCQ2105A	1	Kha	5,5	5,0	5,2
16	2121050042	Hứa Hoàng Khang	16/12/2003	CCQ2105B	1	Khang	8,5	9,0	8,8
17	2121050034	Nguyễn Việt Khang	23/09/2003	CCQ2105A	1	Khang	6,0	7,0	6,6
18	2121050043	Châu Quốc Khánh	02/09/2003	CCQ2105B	1	Khang	5,3	6,0	5,7
19	2121050061	Nguyễn Huỳnh Đăng Khánh	05/12/2003	CCQ2105B	1	Khang	8,0	7,0	7,4
20	2121050022	Lâm Tuấn Kiệt	14/08/2002	CCQ2105A	1	Kiet	6,0	7,0	6,6
21	2121050062	Nguyễn Tự Lập	10/08/2003	CCQ2105B	1	Lap	6,0	5,0	5,4
22	2121050056	Nguyễn Hoài Linh	09/07/2003	CCQ2105B	1	Linh	6,3	5,0	5,5
23	2121050047	Trương Thành Linh	27/05/2000	CCQ2105B	1	Linh	5,8	6,0	6,9
24	2121050005	Phan Phi Long	29/10/2000	CCQ2105A	1	Long	5,8	8,0	7,4
25	2121050065	Trịnh Văn Minh	17/10/2003	CCQ2105B	1	Minh	6,8	6,0	6,3
26	2121050036	Lê Thanh Nam	19/05/2003	CCQ2105B			0,0		
27	2121050076	Nguyễn Hoài Nam	10/07/2003	CCQ2105B	1	Nam	5,8	7,0	6,5
28	2121050063	Đỗ Duy Ngọc	14/11/2003	CCQ2105B	1	Ngoc	7,0	8,0	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện năng cao
(22829501)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050007	Trần Phương	Nhật	07/07/2003	CCQ2105A	1	Nhật	7,3	7,5	7,4
2	2121050008	Nguyễn Tấn	Phát	19/09/2003	CCQ2105A	1	Phát	6,8	8,0	7,5
3	2121050009	Nguyễn Trung	Phi	18/03/2003	CCQ2105A	1	Phi	5,8	7,0	6,5
4	2121050039	Đặng Đức	Phú	07/07/2003	CCQ2105B	1	Ph.	8,0	6,5	6,3
5	2121060026	Nguyễn Xuân	Phú	10/08/2003	CCQ2105A	1	Phu	6,3	7,0	6,7
6	2121050021	Trần Quang	Phú	02/03/2002	CCQ2105A	1		0,0		
7	2121050010	Đỗ Hoàng	Phước	16/01/2003	CCQ2105A	1	Phu	6,0	5,0	5,4
8	2121050064	Nguyễn Thanh	Phương	23/04/2003	CCQ2105B	1	Ph	5,8	8,5	7,4
9	2121050066	Đoàn Ngọc	Quế	29/09/2003	CCQ2105B	1	Qu	8,3	5,0	6,3
10	2121050060	Lê Văn	Quyết	02/01/2003	CCQ2105B	1	Quyết	5,8	5,0	5,3
11	2121050044	Từ Tịnh	Tâm	31/05/2003	CCQ2105B	1	Tm	5,8	5,0	5,3
12	2121050054	Đặng Đức	Tân	17/06/2003	CCQ2105B	1	Ta	6,3	8,0	7,3
13	2121050059	Phạm Quang	Thắng	15/04/2002	CCQ2105B	1	thắng	8,5	8,0	8,2
14	2121050012	Nguyễn Công	Thành	25/08/2003	CCQ2105A	1	Ch	6,3	8,0	7,3
15	2121050028	Nguyễn Sỹ	Thiện	13/02/2002	CCQ2105A	1	Thien	6,5	7,5	7,1
16	2121050026	Phạm Minh	Thông	03/10/2003	CCQ2105A	1	th	6,3	6,0	6,1
17	2121050014	Lê Minh	Thuận	13/09/2003	CCQ2105A	1	th	7,3	5,0	5,9
18	2121050052	Lê Minh	Thuận	13/02/2003	CCQ2105B	1	th	7,3	8,0	7,7
19	2121050015	Nguyễn Minh	Tiến	18/06/2003	CCQ2105A	1	Tu	6,5	6,5	6,5
20	2121050075	Lê Đông	Triều	27/12/2003	CCQ2105A	1	Tu	7,0	7,5	7,3
21	2121050016	Trương Thanh	Triều	06/10/2001	CCQ2105A	1	Th	6,8	8,0	7,5
22	2121050048	Trần Trung	Trực	01/10/2002	CCQ2105B	1	Tr	6,8	9,0	5,0
23	2121050053	Huỳnh Nguyễn Tấn	Trung	30/01/2002	CCQ2105B	1	Trung	6,8	7,5	7,2
24	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	CCQ2105A	1	Tuân	7,3	8,0	7,7
25	2121050020	Phạm Minh	Tuấn	16/10/2001	CCQ2105A	1	Tuấn	7,3	8,5	8,0
26	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A	1	V	6,3	7,5	7,0
27	2121050024	Hồ Thanh	Xuân	25/01/2003	CCQ2105A	1	Xu	5,8	7,0	6,5